TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 06/02/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Xuân Đạm

2. Ông Nguyễn Thành Vui

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 419/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 04/2024/QĐHPT ngày 15/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kiều Mộng C, sinh năm 1987 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, ấp Hoà TT, xã Hoà H, huyện R, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Ông Huỳnh Quang S, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện N, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2023, bản tự khai, nguyên đơn bà Lê Thị Kiều Mộng C trình bày:

Bà C và ông Huỳnh Quang S tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2010 có đăng ký kết tại UBND xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên bà C xin được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà C và ông S có 01 người con chung tên Huỳnh Thị Gia H, sinh ngày 19/3/2011, hiện con đang sống cùng bà C. Khi ly hôn, bà C trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Quang S: Ông S có đăng ký hộ khẩu tại ấp Hiệp Tâm, xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông S và triệu tập ông S làm việc theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông S không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ và không có mặt theo các thông báo, quyết định của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tại phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành pháp luật, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông S theo luật định. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông bà C với ông S.

+ Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thị Gia H, sinh ngày 19/3/2011 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, bà C không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà C có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu giải quyết ly hôn với ông S. Ông S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Hiệp Tâm, xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông S vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng đối với ông S theo quy định. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông S tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2010 có đăng ký kết hôn tại có đăng ký kết tại UBND xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, vì vậy hôn nhân của bà C và ông S là hợp pháp. Bà C cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà C xin ly hôn với ông S. Đối với ông S, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông S không đến làm việc cũng như tham gia hòa giải để đưa ra ý kiến và biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông S đã mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C.

[2.2] Về con chung: Bà C và ông S có 01 người con chung tên Huỳnh Thị Gia H, sinh ngày 19/3/2011. Khi ly hôn, bà C xin nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Ông S không đến Toà án làm việc, không trình bày ý kiến về con chung. Cháu Hân cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Như vậy cần giao con chung tên Huỳnh Thị Gia H, sinh ngày 19/3/2011 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Bà C không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông S không tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà C phải chịu số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2015;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Kiều Mộng C và ông Huỳnh Quang S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thị Gia H, sinh ngày 19/3/2011 cho bà Lê Thị Kiều Mộng C trực tiếp nuôi dưỡng. Bà C không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Kiều Mộng C chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0010841 ngày 20 tháng 11 năm 2023.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng có bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Oanh

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Lộc Ninh;*
- *THA DS huyện Lộc Ninh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã H, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước;*
- *Lưu hồ sơ.*